

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HS-ST

Ngày 12/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2. Ông Nghiêm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST - HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

RƠ CHÂM Q, sinh năm 1985 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Làng M, thị trấn IL, huyện CP, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Siu S, sinh năm 1964 và bà Rơ Châm B, sinh năm 1957; bị cáo có vợ tên Y, sinh năm 1982 và 01 con, sinh năm 2014;

Tiền án: 04 tiền án

- Ngày 21/10/2004 Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 02/2004/HSST; chấp hành án tại Trại giam T, Bộ công an. Ngày 24/8/2005, chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự của bản án này.

- Ngày 04/4/2006 Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 03 năm tù về tội “*Hiếp dâm*” theo khoản 1 Điều 111 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 04 năm tù về tội “*Cướp tài*

sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án số 36/2006/HSST; chấp hành án tại Trại giam S, Bộ công an. Ngày 27/4/2011, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 22/9/2011 Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 36/2011/HSST; chấp hành án tại Trại giam T, Bộ công an. Ngày 05/9/2012, chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 04/3/2014 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Bản án số 06/2014/HSST; chấp hành án tại Trại giam T, Bộ công an. Ngày 28/3/2018, chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không

Rơ Châm Q bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2019 cho đến nay. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1986, nơi cư trú: 171 PH, thôn 09, xã TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Ksor T, sinh năm 1983; nơi cư trú: làng R, xã HB, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người phiên dịch*: Ông Rcom Pheh – Cán bộ Hội nông dân thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rơ Châm Q là người đã bị kết án về các tội: “*Hiếp dâm*”, “*Cướp tài sản*”, “*Trộm cắp tài sản*” và chưa được xóa án tích. Khoảng 20 giờ 25 phút ngày 17/9/2019, Q điều khiển xe mô tô hiệu Wave, biển số 81K7 – 6055 đến cửa hàng tạp hóa A ở số 171 đường PH, thôn 09, xã TS, thành phố P, tỉnh Gia Lai do chị Nguyễn Thị Ngọc H làm chủ để mua nước uống. Khi đến nơi, Q dựng xe mô tô ở lề đường rồi đi vào trong quán; do không thấy chị H, Q gọi nhưng chị H không trả lời. Lúc này, Q nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đến quầy nơi chị H cất tiền trộm cắp 963.000 (chín trăm sáu mươi ba nghìn) đồng và 77 (bảy mươi bảy) card điện thoại các loại (gồm 57 card Viettel, 20 card vinaphone), rồi điều khiển xe mô tô 81K7 – 6055 tẩu thoát. Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, chị H làm đơn trình báo đến công an xã TS, thành phố P. Đến 21 giờ cùng ngày, Q đến Công an xã TS đầu thú, khai nhận về hành vi trộm cắp, giao nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt của chị H như đã nêu trên và xe mô tô biển số 81K7 – 6055.

Qua định giá, tại Kết luận định giá tài sản số 149 ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố P, kết luận: 57 card điện thoại di động Viettel các loại, có tổng trị giá 2.054.400 đồng và 20 card Vinaphone các loại, có tổng trị

giá 556.800 đồng. Như vậy tổng trị giá tài sản Rơ Châm Q chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc H là 3.574.200 (ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn hai trăm) đồng.

Hiện các vật chứng thu giữ như 77 card điện thoại di động các loại và 963.000 đồng cùng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 81K7 – 6055 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản cáo trạng số 35/CT – VKS ngày 27 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Rơ Châm Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Rơ Châm Q thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, bị cáo đồng ý với nội dung truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P nêu trong bản cáo trạng. Bị cáo và người bị hại không có ý kiến gì Kết luận V/v định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Rơ Châm Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Tự nguyện bồi thường thiệt hại*”, “*Thành khẩn khai báo*”, “*Đầu thú*” quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 với mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Vào lúc 20 giờ 25 phút ngày 17/9/2019, lợi dụng tình trạng mất cảnh giác trong quản lý tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc H, Rơ Châm Q lén lút chiếm đoạt 963.000 đồng và 77 card điện thoại di động các loại với tổng trị giá qua định giá là 2.611.200 đồng; tổng trị giá tài sản Rơ Châm Q chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Ngọc H là 3.574.200 (ba triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn hai trăm) đồng.

Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 được quy định như sau “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị*

giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồngthì bị phạt cải tạo không giam giữ...hoặc phạt tù ...”. Như vậy hành vi bị cáo Rơ Châm Q đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội **“Trộm cắp tài sản”**.

Bản thân bị cáo liên tiếp phạm tội từ năm 2004, chấp hành hình phạt tù của 04 bản án do Tòa án các cấp xét xử về tội **“Hiếp dâm”**, **“Cướp tài sản”**, **“Trộm cắp tài sản”**, sau khi chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống trong thời gian ngắn bị cáo đã phạm tội. Dựa theo Bản án số 06/2014/HSST ngày 04/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đ, bị cáo chấp hành thời hạn tù 04 (bốn) năm 06(sáu) tháng tù về tội **“Trộm cắp tài sản”**, ngày 28/3/2018 chấp hành xong hình phạt chính nhưng đến ngày 17/9/2019 bị cáo tiếp tục trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị Ngọc H nên theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 bị cáo chưa được xóa án tích. Đồng thời tại bản án trên xác định bị cáo **“Tái phạm”** nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 **“Đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý”**, hành vi trộm cắp tài sản bị cáo thực hiện ngày 17/9/2019 được xác định là tái phạm nguy hiểm, đã phạm vào tình tiết định khung **“Tái phạm nguy hiểm”** quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:g) Tái phạm nguy hiểm”

Do đó hoàn toàn có căn cứ nhận định Rơ Châm Q phạm tội **“Trộm cắp tài sản”** theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp được Hiến pháp và pháp luật hình sự bảo vệ. Rơ Châm Q tuy là người dân tộc thiểu số, nhận thức có phần hạn chế nhưng sau nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn tiếp tục tái phạm. Bị cáo liên tiếp chấp hành hình phạt tù của 04 bản án đều liên quan đến chiếm đoạt tài sản trái pháp luật nhưng không lấy đây làm bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà vẫn cố ý trộm cắp tài sản do đó cần thiết áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cùng nhân thân bị cáo mới đủ sức cảnh tỉnh, răn đe, giáo dục bị cáo không tiếp tục phạm tội khi tái hòa nhập cộng đồng.

Vì vậy, tuy xét Rơ Châm Q có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội đã đến cơ quan pháp luật đầu thú, thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc H và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự **“tự nguyện bồi thường thiệt hại”**, **“thành khẩn khai báo”** được quy định tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nhưng không xem xét áp dụng áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng; chỉ cần nhắc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định.

Anh KSor T là chủ sở hữu của xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 81K7 – 6055 mà bị cáo Rơ Châm Q đã sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Nhưng vào thời điểm anh KSor T cho Rơ Châm Q mượn xe đi công việc, anh không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không truy cứu trách nhiệm hình sự của anh KSor T với vai trò đồng phạm là hoàn toàn có căn cứ pháp lý.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tiền bồi thường thiệt hại từ bị cáo Rơ Châm Q, không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng:

77 card điện thoại di động các loại và 963.000 đồng cùng xe mô tô nhãn hiệu Wave, biển số 81K7 – 6055 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P xử lý trả lại cho chủ sở hữu là bị hại Nguyễn Thị Ngọc H và anh Ksor T phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xử lý đối với vật chứng.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Rơ Châm Ql.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Rơ Châm Q phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Rơ Châm Q 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Rơ Châm Ql phải nộp 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố P;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố P;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

